

Tiết 38,39

Ngày soạn 12//3/2026

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 5

I. Mục tiêu:

- Giúp học sinh khái quát, hệ thống kiến thức đã học trong chủ đề
- Rèn luyện kỹ năng sử dụng, khái thức công nghệ TT trong học tập
- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, dự án...

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Gv; giao nhiệm vụ cho mỗi tổ, nhóm về nhà hoàn thành và báo cáo sản phẩm

- Tổ 1: Tìm hiểu cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ**
- Tổ 2: Tìm hiểu cuộc cải cách Lê Thánh Tông**
- Tổ 3: Tìm hiểu cuộc cải cách của Minh Mạng**
- **Tổ 4: Tìm hiểu cuộc cải cách của Minh Mạng**

GV Nhận xét và chính xác hóa nội dung cần đạt

Chủ đề 6: Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Tiết 40 ,41

Ngày soạn 14/3/2026

BÀI 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG (T1,2)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông và giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.
- Xác định được vị trí các đảo và quần đảo Biển Đông trên bản đồ
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

2. Về năng lực

* **Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

* **Năng lực riêng:**

- Rèn luyện các kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích, sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống bài tập nhân thực mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình

thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thông và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

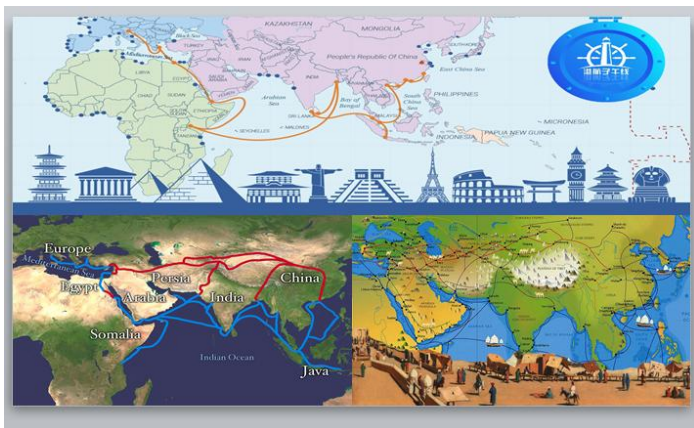
c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

?Đây là tên 1 con đường kết nối sự giao thương giữa châu Âu và châu Á?



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

Gv cung cấp thông tin

Con đường tơ lụa trên biển được đặt theo tên mặt hàng chính được vận chuyển trên biển cũng là mặt hàng khởi đầu cho mọi mặt hàng sau đó như gốm sứ, hương liệu, lúa gạo...

Con đường tơ lụa trên biển bắt đầu từ Roma. Sau khi vượt qua eo Malacca. Con đường chia làm hai ngả, một ngả men theo vùng biển Việt Nam qua các cảng: Côn Đảo – Cù Lao Chàm – Hội An – vào vùng biển Nam Trung Hoa rồi qua nam Nhật Bản, ngả thứ hai đi vào quần đảo Indonexia, Philippine rồi ngược vào vùng phía nam Trung Quốc để tới nam Nhật Bản

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Ngày 11-8-2011, ngọn đuốc trên giàn khoan DH-02 đã bùng cháy tại mỏ Đại Hùng. DH-02 là công trình dầu khí lớn đầu tiên do chính các kỹ sư, công nhân Việt Nam chế tạo và lắp đặt, chuyên khai thác ở vùng nước sâu xa bờ, có kích thước, trọng lượng lớn nhất Việt Nam tính đến thời điểm đó. Sự kiện này đánh dấu bước trưởng thành, là biểu hiện cho ý chí, nội lực và khả năng làm chủ công nghệ thăm dò, khai thác dầu khí ở

vùng nước sâu của Việt Nam trên Biển Đông.

Vậy Biển Đông có vị trí và tầm quan trọng chiến lược như thế nào? Các đảo và quần đảo ở Biển Đông có vị trí, tầm quan trọng chiến lược ra sao? Bài học này sẽ giúp em hiểu rõ những nội dung ấy.

HOẠT ĐỘNG2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Vị trí của Biển Đông

a. Mục tiêu: Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

Quan sát lược đồ và dựa vào thông tin trong mục, hoàn thành các câu hỏi sau về vị trí của Biển Đông.

?Ngoài tên gọi Biển Đông thì vùng biển này còn có những tên gọi nào khác?

?Biển Đông thuộc đại dương nào? Hãy cho biết diện tích, kinh độ và vĩ độ

?Tại sao nói Biển Đông là vùng biển tương đối kín

?Nêu những quốc gia và vùng lãnh thổ tiếp giáp với Biển Đông

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin tư liệu

- Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt từ xa xưa cho vùng biển nằm ở phía đông đất nước.

(Dư địa chí của Nguyễn Trãi năm 1435).

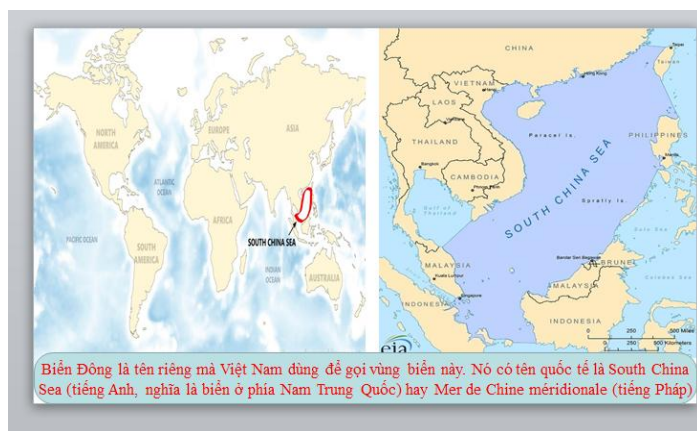
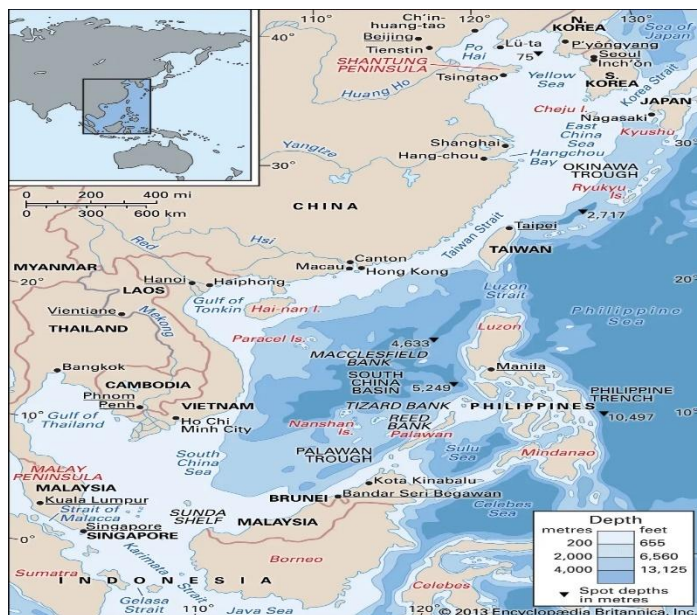
- Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km², là biển lớn thứ hai của Thái Bình Dương và lớn thứ ba thế giới.

- Biển Đông nằm trong khoảng từ vĩ độ 3°N đến vĩ độ 26°B và từ kinh độ 100°Đ đến kinh độ 121°Đ.

- Biển Đông là biển tương đối kín vì được bao bọc bởi đất liền và hệ thống các đảo, quần đảo.

Các nước và vùng lãnh thổ tiếp giáp Biển Đông: Biển Đông được bao bọc bởi 9 nước là: Việt Nam, Trung Quốc, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xia, Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan, Cam-pu-chia và một vùng lãnh thổ là Đài Loan.

- Đây là biển tương đối kín vì các đường thông ra Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đều có đảo, quần đảo bao bọc.



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Vị trí của Biển Đông

- Biển Đông nằm ở rìa tây Thái Bình Dương, trải rộng từ khoảng 3°N đến 26°B và

khoảng 100°Đ đến 121°Đ.

- Biển Đông có diện tích hơn 3,447 triệu km, tiếp giáp với 9 quốc gia.
- Đây là biển tương đối kín vì các đường thông ra Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đều có đảo, quần đảo bao bọc.

2. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

a. Mục tiêu:- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông và giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV chia HS làm 3 nhóm thảo luận nhóm và hoàn thành bảng sau

Vai trò của Biển Đông	Nội dung
Tuyến đường giao thông biển huyết mạch	+ Nhóm 1: Giải thích vai trò quan trọng chiến lược của Biển Đông trong giao thông Hàng hải
Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương	+ Nhóm 2: Giải thích vì sao Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng ở châu Á - Thái Bình Dương.
Nguồn tài nguyên thiên nhiên	+ Nhóm 3: Phân tích vai trò của nguồn tài nguyên thiên nhiên biển đối với sự phát triển Kinh tế – xã hội của các nước trong khu vực.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

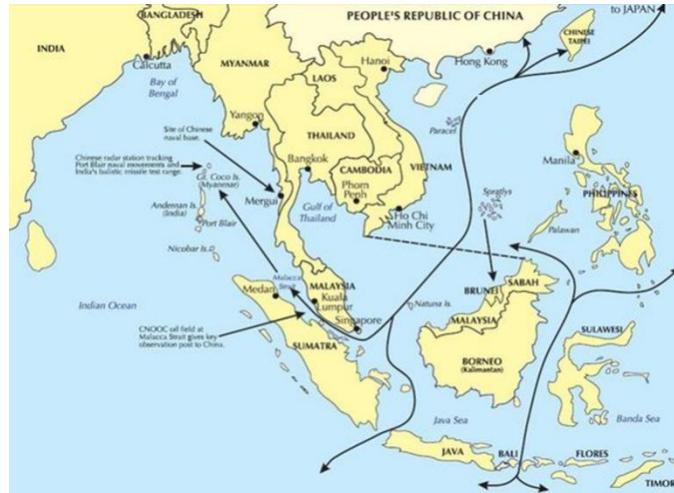
GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin tư liệu

-Nhóm 1

Biển Đông là "cầu nối" giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Các tuyến hàng hải quốc tế "huyết mạch" khu vực Đông Nam Á có hơn 530 cảng biển. Tuyến đường vận tải quốc tế qua Biển Đông được coi là nhộn nhịp thứ 2 trên thế giới (chỉ sau Địa Trung Hải).



Eo biển Ma-lắc-ca nằm giữa đảo Xu-ma-tơ-ra(In-đô-nê-xi-a) và bán đảo Mã Lai, dài hơn 800 km, nơi rộng nhất là 38 km, là hành lang hàng hải chính giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, nối liền các cảng biển của Đông Bắc Á, bờ Tây châu Mỹ với Nam Á, châu Phi, Trung Đông, Nam Âu.



Biển Đông là tuyến đường giao thông huyết mạch tập trung các tuyến đường biển chiến lược kết nối Thái Bình Dương và Ấn Độ dương, Châu Âu- châu Á. Trung Đông - Đông Á (dẫn chứng 5 trong số 10 tuyến đường vận tải trọng yếu của thế giới đều liên quan đến Biển Đông, giao thông đường biển nhộn nhịp vào hàng thứ hai thế giới, nhiều mặt hàng quan trọng được vận chuyển qua Biển Đông như khí đốt, dầu mỏ) khu vực này có nhiều eo biển đặc biệt quan trọng đối với thương mại toàn cầu (dẫn chứng eo Đài Loan, Ba-si, Ga-xpa. Ca-li--man-tan và đặc biệt là Ma lắc ca "hành lang" hàng hải chính, kết nối nhiều nước, trong đó có 2 nước đông dân của thế giới là Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a và Trung Quốc. Mỗi ngày có khoảng từ 150 - 200 tàu các loại qua lại Biển Đông trong đó có khoảng 560% tàu có trọng tải trên 5000 tấn, hơn 10% là tàu có trọng tải từ 30.000 tấn trở lên. Lượng dầu lửa và khí hóa lỏng được vận chuyển qua vùng biển này lớn gấp 15 lần lượng chuyên chở qua kênh đào Pa-na-ma.

-Nhóm 2

GV đưa ra một nhận định có HS thấy được vai trò của Biển Đông -“Quốc gia nào làm chủ được nhiều diện tích Biển Đông sẽ có lợi thế về chính trị, kinh tế, an ninh – quốc phòng”

(dẫn chứng là tuyến đường trên biển ngắn nhất để di chuyển giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương; các đảo và quần đảo trên Biển Đông cũng tạo thành tuyến phòng thủ tự nhiên đối với nhiều nước ven biển; các cảng biển lớn trong Biển Đông là điểm trung chuyển của tàu thuyền, trao đổi và bốc dỡ hàng hoá quan trọng nhất trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương như cảng Xin ga-po, Ku-an-ta (Ma-la-xi-a), Ma-ni-la (Phi-líp-pin), Đà Nẵng (Việt Nam), Hồng Kông (Trung Quốc). Đây là mạch đường thiết yếu vận chuyển dầu và các nguồn tài nguyên thương mại từ Trung cận Đông và Đông Nam Á tới Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Hơn 90% lượng vận tải thương mại của thế giới thực hiện bằng đường biển và 45% trong số đó phải đi qua vùng Biển Đông. Nhiều nước và vùng lãnh thổ ở khu vực Đông Á có nền kinh tế phụ thuộc sống còn vào con đường biển này như. Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Xin ga po và Trung Quốc. Hàng năm có khoảng 70% khối lượng dầu mỏ nhập khẩu và khoảng 45% khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Nhật Bản được vận chuyển qua Biển Đông, Trung Quốc có 29/39 tuyến đường hàng hải và khoảng 60% hàng xuất nhập khẩu, 70% lượng dầu mỏ nhập khẩu được vận chuyển bằng đường biển qua Biển Đông.

+ Là tuyến đường trên biển ngắn nhất để di chuyển giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương; các đảo và quần đảo trên Biển Đông cũng tạo thành tuyến phòng thủ tự nhiên đối với nhiều nước ven biển

+ các cảng biển lớn trong Biển Đông là điểm trung chuyển của tàu thuyền, trao đổi và bốc dỡ hàng hoá quan trọng nhất trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương



-Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng

- Bản đồ nhấn mạnh tầm quan trọng chiến lược của khu vực Biển Đông với tư cách là nguồn cung cấp nguyên liệu thô, bao gồm “gần như toàn bộ hương liệu của thế giới; chín phần mười cao su của thế giới; một nửa lượng thiếc và vonfram của thế giới; và thặng dư dầu, gạo, bông, trà, gia vị, cây gai dầu và gỗ cứng nhiệt đới.



-Nhóm 3

Biển Đông là nơi cư trú của trên 12 000 loài sinh vật, trong đó có khoảng 2 040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú... Trong khu vực này tập trung 221 loài cây nước mặn tạo nên diện tích rừng ngập mặn tương đối lớn.

Biển Đông là một trong 5 bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới. Hầu hết các nước trong khu vực đều là những nước khai thác và sản xuất dầu khí từ Biển Đông.

- Giàn khoan Đại Hùng 01 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam trên Biển Đông: Giàn khoan Đại Hùng 01 có chiều dài 108,2 m, chiều rộng 67,36 m, chiều dài boong chính 68,6 m, là trung tâm của mỏ Đại Hùng. Mỏ Đại Hùng thuộc phần trung tâm của bể Nam Côn Sơn, cách thành phố Vũng Tàu (Bà Rịa – Vũng Tàu) 265 km.



GV có thể mở rộng giới hiệu thêm. Vị trí địa lí và khí hậu đặc biệt tạo cho vùng Biển Đông sự đa dạng sinh học điển hình trên thế giới và cấu trúc thành phần loài động thực vật. hệ sinh thái và nguồn gen. Trong lòng Biển Đông tồn tại các sinh vật cổ đại, sinh vật vật nhiệt đới điển hình, sinh vật đặc trưng của từng địa phương, sinh vật du nhập từ các nơi, sinh vật trú đông Tiềm năng của vùng biển này là nguồn sống phong phú của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Nguồn tài nguyên sinh vật biển quan trọng đã mang đến những ưu thế cho đời sống và sự phát triển kinh tế của

các nước xung quanh. Trữ lượng hải sản đánh bắt khoảng 3 – 5,5 triệu tấn, cơ cấu hải sản và phong phú, có giá trị kinh tế cao có thể khai thác được hàng năm.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu **HS** trả lời.

HS trả lời câu hỏi của **GV**.

Sản phẩm dự kiến

Vai trò của Biển Đông	Nội dung
Tuyến đường giao thông biển huyết mạch	- Biển Đông nằm trên tuyến giao thông đường biển huyết mạch nối liền Thái Bình Dương – Ấn Độ Dương, châu Á – châu Âu, châu Á – Trung Đông. - Biển Đông giữ vị trí là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai thế giới tính theo tổng lượng hàng hoá thương mại vận chuyển hằng năm. - Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng như: eo Đài Loan, Ba-si Ga-xpa, Ca-li-man-tan và đặc biệt là Ma-lắc-ca.
Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương	- Về chính trị-an ninh: Biển Đông có vị trí địa – chính trị quan trọng đối với các quốc gia khu vực châu Á – Thái Bình Dương. - Tình trạng tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông cũng xuất hiện từ sớm và khá phức tạp. - An ninh trên Biển Đông sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích an ninh, chính trị và sự thịnh vượng về mặt kinh tế của khu vực, trong đó có Việt Nam.
Nguồn tài nguyên thiên nhiên	- Biển Đông có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là các tài nguyên sinh vật và khoáng sản. - Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông phong phú và đa dạng với hàng trăm loài bao gồm cả động vật, thực vật. Trong đó, cá và các loài động vật thân mềm như mực, hải sâm,... có trữ lượng lớn. - Biển Đông có nhiều loại tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ và khí tự nhiên. Ngoài ra còn có năng lượng thủy triều, năng lượng gió; cát và hoá chất trong cát; muối và các loại khoáng

	chất;...
--	----------

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.
Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

- Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế. Khu vực này tập trung các tuyến đường biển chiến lược kết nối Thái Bình Dương – Ấn Độ Dương, châu Âu – châu Á, Trung Đông – Đông Á.
- Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương về quốc phòng – an ninh, giao thông vận tải và các hoạt động kinh tế khác
- Biển Đông là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với trữ lượng lớn.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đưa ra 1 số câu hỏi, HS trả lời theo nhóm, nhóm đơ đáp án nhanh nhất sẽ có điểm cộng

1. Biển Đông là biển thuộc:
2. Biển Đông có diện tích khoảng:
3. Biển Đông là một trong những bồn trũng lớn nhất thế giới chứa:
4. Đây là một eo biển quan trọng ở khu vực Biển Đông?
5. Sinh vật ở Biển Đông có khoảng bao nhiêu loài sinh vật cư trú?
6. Vị trí địa lý của Biển Đông kéo dài từ kinh độ, vĩ độ nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

1.Thái Bình Dương

2.3.5 triệu km²

3.Dầu khí

4.Eo Malacca

5.Trên 12000 loài

6.Trải rộng từ khoảng 3°N đến 26°B và khoảng 100°Đ đến 121°Đ.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet, nêu đề xuất của em về các biện pháp để khai thác hiệu quả, bền vững vị trí và tài nguyên thiên nhiên của Biển Đông.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 42

Ngày soạn 15/3/2026

BÀI 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG (T3)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông và giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.
- Xác định được vị trí các đảo và quần đảo Biển Đông trên bản đồ
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Rèn luyện các kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích, sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống bài tập nhân thực mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thông và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV chiếu video về 2 quần đảo Trường Sa Hoàng Sa của Việt Nam và yêu cầu HS trả lời câu hỏi

?Em biết gì về 2 quần đảo này?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Tầm quan trọng của các đảo và quần đảo trên Biển Đông

a. Mục tiêu:- Xác định được vị trí các đảo và quần đảo Biển Đông trên bản đồ

- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông

GV cho HS xem 1 đoạn video về các đảo quần đảo và yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi

?Quần đảo Hoàng Sa nằm ở vị trí nào? (kinh tuyến, vĩ tuyến)

?Quần đảo Hoàng Sa ngày nay thuộc tỉnh nào?

?Kể tên một số các hòn đảo lớn trên quần đảo Hoàng Sa

Nhiệm vụ 2: Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

Hoàn thành phiếu học tập sau về tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

Lĩnh vực	Thuận lợi	Khó khăn
Quốc phòng, an ninh		
Kinh tế		
Xã hội		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin tư liệu

+ Về quốc phòng, an ninh. Các đảo án ngữ những tuyến đường giao thông huyết mạch trong thương mại quốc tế nên có điều kiện thuận lợi để xây dựng thành các căn cứ hậu cần do quân đội, xây dựng các trạm radar, trạm quan sát, vọng gác nhằm kiểm soát vùng biển và vùng trời của các quốc gia ven biển. Tuy nhiên, do địa thế rải rác và địa hình chủ yếu là các đảo san hô, đảo đá thường xuyên bị chìm khi thủy triều lên nên gây khó khăn trong quản lý và xây dựng các căn cứ quân sự.

+ Về kinh tế: Vùng biển xung quanh các quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa tạo thành ngư trường khổng lồ do đánh bắt hải sản xa bờ. Tại các đảo có thể phát triển ngành đóng tàu, ngư nghiệp và nuôi trồng thủy sản, du lịch thể thao, nghỉ dưỡng.... Khó khăn do cách xa bờ, khí hậu khắc nghiệt (thiếu nước ngọt, bão tố quanh năm, dân cư còn khá thưa thớt nên khó khăn cho xây dựng các cơ sở kinh tế.

+ Về xã hội. Trên các đảo có thể xây dựng các trung tâm bảo tồn sinh vật biển, nghiên cứu đa dạng sinh học khu vực Biển Đông. Tuy nhiên việc đưa dân ra cư trú tập trung tại các đảo gặp nhiều khó khăn do xa bờ, khí hậu khắc nghiệt, nước ngọt thiếu thốn...

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

Lĩnh vực	Thuận lợi	Khó khăn
Quốc phòng, an ninh	Sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, quần đảo trên Biển Đông đã hình thành tuyến phòng thủ nhiều tầng, từ xa đến gần, tạo thành hệ thống an ninh vững chắc để bảo vệ đất liền.	do địa thế rải rác và địa hình chủ yếu là các đảo san hô, đảo đá thường xuyên bị chìm khi thủy triều lên nên gây khó khăn trong quản lí và xây dựng các căn cứ quân sự.
Kinh tế	Các đảo và quần đảo Việt Nam tạo cơ sở để phát triển các lĩnh vực như vận tải biển; khai thác dầu khí; đóng tàu; nuôi trồng và khai thác, chế biến thủy, hải sản; du lịch,....	Do cách xa bờ, khí hậu khắc nghiệt (thiếu nước ngọt, bão tố quanh năm), dân cư còn khá thưa thớt nên khó khăn cho xây dựng các cơ sở kinh tế.
Xã hội	Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, thuận lợi cho việc xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho các tàu di chuyển trên biển, phục vụ tuyến hàng hải huyết mạch trên Biển.	Việc đưa dân ra cư trú tập trung tại các đảo gặp nhiều khó khăn do xa bờ, khí hậu khắc nghiệt, nước ngọt thiếu thốn,...

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Tầm quan trọng của các đảo và quần đảo trên Biển Đông

a. Vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông

-Hệ thống các đảo và quần đảo Việt Nam thường được chia thành:

- + Hệ thống đảo tiền tiêu (Thổ Chu, Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn,...),
- + Các đảo lớn (Cô Tô, Cát Bà, Cù Lao Chàm,...), các đảo ven bờ (các đảo thuộc huyện đảo Cát Bà, huyện đảo Bạch Long Vĩ,...)
- + Hai quần đảo xa bờ (Hoàng Sa và Trường Sa).

b. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

Hệ thống đảo và quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, giữ vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ an ninh vùng biển, vùng trời và đất liền.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đưa ra 1 số câu hỏi, HS trả lời theo nhóm, nhóm dơ đáp án nhanh nhất sẽ có điểm cộng

1. Hiện nay huyện đảo Trường Sa thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh, thành phố nào?

2. Quần đảo Hoàng Sa trực thuộc địa phương nào?

3. Bãi Cát Vàng” là tên gọi ngày xưa của địa danh nào ở thành phố Đà Nẵng?

4. Quần đảo nào của nước ta xa bờ nhất?

5. Đảo lớn nhất trong Quần đảo Trường Sa là?

6. Quốc gia đầu tiên xác lập chủ quyền và là nước duy nhất quản lý liên tục, hòa bình, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

1. Tỉnh Khánh Hòa

2. Đà Nẵng

3. Quần đảo Hoàng Sa

4. Trường Sa

5. Đảo Trường Sa lớn

6. Việt Nam

B4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Suu tầm hình ảnh, tư liệu về quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Giới thiệu những hình ảnh, tư liệu đó với thầy cô và bạn học.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG (t1)**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển đông
- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình
- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Rèn luyện kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử: trình bày, giải thích, phân tích,... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV khởi động bằng 1 số câu hỏi trắc nghiệm thông qua việc cho hs xem 1 đoạn video

1.Hòn đảo nào được mệnh danh là “Đảo tôm hùm” ở Việt Nam?

- A. Bình Ba
- B. Cát Bà
- C. Phú Quốc
- D. Phú Quý

2.Đảo nào lớn nhất Việt Nam?

- A. Bạch Long Vĩ
- B. Phú Quốc
- C. Thổ Chu
- D. Lý Sơn

3.Đảo Phú Quý thuộc địa phận tỉnh thành nào của nước ta?

- A. Bình Thuận
- B. Khánh Hòa
- C. Ninh Thuận
- D. Kiên Giang

4.Quần đảo Thổ Chu thuộc tỉnh nào?

- A. Tiền Giang
- B. Long An

C. Kiên Giang

D. Hậu Giang

5.Vịnh Hạ Long thuộc quản lý của tỉnh, thành phố nào của nước ta?

A. Bắc Ninh

B. Quảng Ninh

C. Hải Phòng

D. Thái Bình

6.Hãy điền từ còn thiếu vào câu khẩu hiệu của lực lượng hải quân Việt Nam:

“Đảo là nhà, là quê hương”

A. Mẹ

B. Sóng biển

C. Biển

D. Biển cả

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quảhoạt động

GV:Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS:Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	A	C	B	D

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Hàng năm, nhân dân huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa nhằm tri ân, tưởng niệm những người lính của Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải (được thành lập từ thế kỉ XVII) đã có công khai mở, cắm mốc chủ quyền và bảo vệ biển đảo. Ngoài ý nghĩa tri ân, nghi lễ này còn phản ánh lịch sử bảo vệ chủ quyền biển

đảo của Việt Nam, đặc biệt là chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Vậy Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược như thế nào đối với Việt Nam? Quá trình xác lập chủ quyền, quản lý liên tục và cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa diễn ra như thế nào? Chủ trương của Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông là gì??Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam

a. Mục tiêu:- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiệnB1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Về quốc phòng, an ninh

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

?Em hãy cho biết tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng và an ninh ?

Nhiệm vụ 2: Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi theo bảng sau

?Em hãy nêu những thuận lợi và sự phát triển của các ngành kinh tế biển trọng điểm

Nghành kinh tế	Thuận lợi
Thương mại biển	
Khai thác khoáng sản	
Khai thác tài nguyên sinh vật biển	
Du lịch	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin

Nhiệm vụ 1

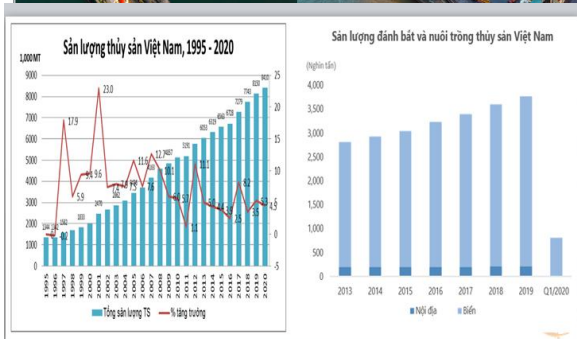
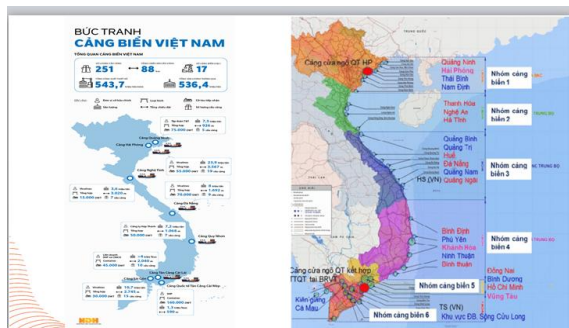
Đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị) vọng gác tiền tiêu của Việt Nam

Đảo Cồn Cỏ có vị trí đặc biệt: nằm vắt ngang vĩ tuyến 17, là điểm phân chia vịnh Bắc Bộ, là cửa ngõ phía nam của vịnh Bắc Bộ, là tiền đồn bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), Trung đội pháo 127 li thuộc Trung đoàn 270 của Quân đội Nhân dân Việt Nam do Thiếu úy Dương Đức Thiện chỉ huy vượt sóng gió trùng dương ra đảo; đúng 11 giờ ngày 8 – 8 – 1959, lá cờ đỏ sao vàng được cắm lên đảo, một lần nữa khẳng định chủ quyền bất khả xâm phạm của Tổ quốc Việt Nam. Từ vị trí địa lý đó, trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Cồn Cỏ có vị trí quan trọng về quân sự, là “vọng gác tiền tiêu của Tổ quốc, là “con mắt thần” án ngữ Biển Đông, canh giới miền Bắc xã hội chủ nghĩa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là điểm chốt phía nam vịnh Bắc Bộ.

Giới chuyên gia quân sự đã thừa nhận vị trí của Cam Ranh có tầm ảnh hưởng to lớn tới bản đồ địa – chiến lược toàn cầu, cho dù họ có đứng ở các chân trời quan điểm nào đi chăng nữa. Năm 1888, Hải hạm của Nga mang tên “Tráng sĩ” trong chuyến đi vòng quanh thế giới đã cập cảng Cam Ranh, sau đó, nơi đây đã trở thành quân cảng của các nước lớn thay nhau đồn trú trong vòng gần 100 năm trở lại đây.



Nhiệm vụ 2





B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

Nghành kinh tế	Thuận lợi
Thương mại biển	- Hệ thống các cảng biển được xây dựng dọc bờ Biển Đông là điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển thương mại hàng hải. - Có những cảng lớn giữ vai trò đầu mối vận chuyển hàng hoá trong nước và quốc tế như cảng Hải Phòng, cảng Đà Nẵng, cảng Sài Gòn,...
Khai thác khoáng sản	- Dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam có trữ lượng lớn với các bể trầm tích như Cửu Long, Nam Côn Sơn,... - Vùng biển Việt Nam còn chứa đựng tiềm năng lớn về quặng sa khoáng như titan, thiếc, vàng, sắt, thạch cao, cát đen,... là những nguồn tài nguyên quý giá.
Khai thác tài nguyên sinh vật biển	Biển Đông là vùng biển đa dạng về sinh học, riêng trữ lượng cá biển trên các vùng biển của Việt Nam ước tính khoảng 3 – 4 triệu tấn/năm, khả năng khai thác 1,4 – 1,6 triệu tấn/năm.

Du lịch	Cảnh quan ở Biển Đông đa dạng với nhiều vũng, vịnh, bãi cát trắng, hang động,... Các bán đảo và đảo lớn nhỏ liên kết với nhau tạo thành quần thể du lịch như vịnh Hạ Long, bãi biển Non Nước, đảo Phú Quốc phù hợp để phát triển đa dạng nhiều loại hình du lịch.
---------	---

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam

a. Về quốc phòng, an ninh

Biển Đông là tuyến phòng thủ quan trọng bậc nhất ở phía đông với hệ thống các đảo và quần đảo trên biển như “tám lá chắn” bảo vệ cả vùng trời, vùng biển và đất liền của đất nước.

b. Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm

Là vùng biển có vị trí chiến lược quan trọng, tài nguyên phong phú, Biển Đông góp phần quan trọng vào việc phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam như giao thông hàng hải, công nghiệp khai khoáng, khai thác tài nguyên sinh vật biển, nuôi trồng thủy sản, du lịch,...

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “Thu hoạch cà rốt”, mỗi câu trả lời đúng sẽ mang về điểm cho nhóm



1. Bờ biển nước ta nằm ở phía nào của Biển Đông?

A. Phía Tây của Biển Đông

- B. Phía Đông của Biển Đông
- C. Phía Bắc của Biển Đông
- D. Phía Nam của Biển Đông

2.Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố tiếp giáp với biển?

- A. 27 tỉnh, thành phố
- B. 28 tỉnh, thành phố
- C. 29 tỉnh, thành phố
- D. 30 tỉnh, thành phố

3.Việt Nam có bao khoảng bao nhiêu hòn đảo lớn nhỏ?

- A. 1000
- B. 2000
- C. 3000
- D. 4000

4.Đảo vừa có diện tích lớn nhất và vừa có giá trị về du lịch, về an ninh - quốc phòng là đảo nào?

- A. Đảo Phú Quốc
- B. Đảo Phú Quý
- C. Đảo Lý Sơn
- D. Song Tử Tây

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	D	A

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Việt Nam là một trong những nước có lợi thế về biển. Theo em, chúng ta phải làm những gì để khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển và ven biển

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG (t2)**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển đông
- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình
- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Rèn luyện kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử: trình bày, giải thích, phân tích,... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho hs nghe 1 bài hát và yêu cầu HS đoán tên bài hát

A. Gàn lăm Trường Sa

B. Nơi đảo xa

C. Sức sống Trường Sa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B. Nơi đảo xa

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

a. Mục tiêu:- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

?Trình bày nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Giai đoạn	Nội dung chính
Trước thế kỉ XIX	Nhóm 1
Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1954	Nhóm 2
Từ năm 1954 đến năm 1975	Nhóm 3
Từ năm 1975 đến nay	Nhóm 4

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

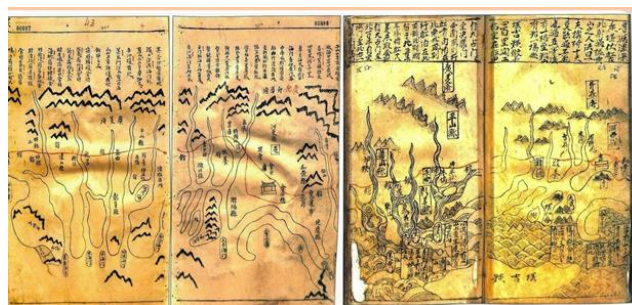
GV cung cấp thông tin

Trước thế kỉ XIX

Nhiều lập bản đồ của các triều đại quân chủ Việt Nam như: Toàn lập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (1686), Giáp Ngọ niên bình Nam đồ (1774), Đại Nam nhất thống toàn đồ (1838),... và của người phương Tây như: Bộ Ất lát thế giới (1827), An Nam đại quốc hoạ đồ (1838),... đã thể hiện quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Đại Nam nhất thống toàn đồ là bản đồ Việt Nam dưới thời Nguyễn, được vẽ vào khoảng năm 1838, ghi rõ “Hoàng Sa”, “Vạn Lý Trường Sa” thuộc lãnh thổ Việt Nam, phía ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam thuộc lãnh thổ Việt Nam. Trong bài “Địa lí Vương quốc Cô-chin-chi-na” (Tập chí

Hội Địa lí Hoàng gia Luân Đôn, Tập 19, 1849, tr.93) của Gút-láp, có đoạn ghi rõ Pa-ra-xeo (tức Hoàng Sa) thuộc lãnh thổ Việt Nam và chú thích cả tên Việt Nam là "Cát Vàng



Theo ghi chú bản đồ trong bộ Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư biên soạn vào thế kỉ XVII, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi).

-Một số công trình sử học và địa lí của Việt Nam cũng ghi chép tường tận về cương vực lãnh thổ và những hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của các chính quyền chúa Nguyễn, vua Lê – chúa Trịnh, Triều Tây Sơn và Triều Nguyễn ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa như: Đại Việt sử ký tục biên, Phủ biên tạp lục, Đại Nam thực lục, Hoàng Việt địa dư chí, Đại Nam nhất thống chí,...

-Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là một dải những hòn đảo được gọi bằng nhiều tên khác nhau trong các bộ chính sử của các triều đại phong kiến Việt Nam như: Bãi Cát Vàng, Cồn Vàng, Vạn Lý Hoàng Sa, Vạn Lý Trường Sa, Đại Trường Sa,...

-Hoạt động xác lập chủ quyền, quản lí liên tục mang tính nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được khẳng định thông qua việc thành lập và hoạt động của các đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XIX.

-Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1563 – 1635) đã thành lập hải đội Hoàng Sa, sau đó lập thêm đội Bắc Hải, “sai đội Hoàng Sa kiêm quản” Hải đội Hoàng Sa đảm nhận việc khai thác và canh giữ các đảo

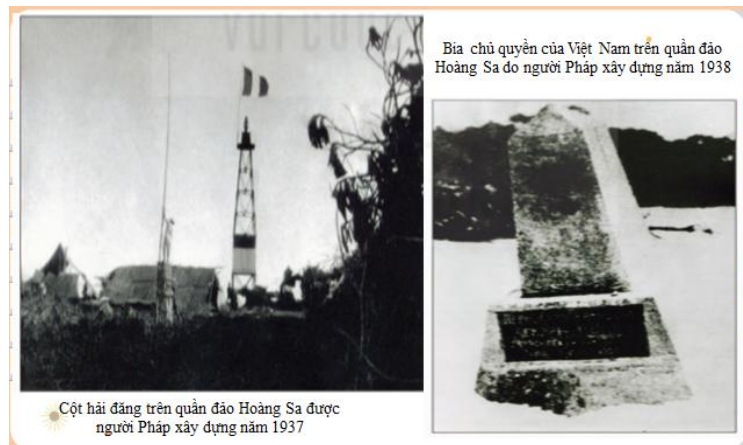
ở Biển Đông, chạy dài ngoài khơi, từ phía tây nam đảo Hải Nam xuống vùng đảo Trường Sa, tới tận vùng đảo Côn Lôn ngày nay. Hải đội còn có quyền thu gom những hàng hoá của các tàu nước ngoài bị đắm ở khu vực quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa về nộp cho triều đình.

-Đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải tiếp tục duy trì hoạt động ở thời Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII). Sự quan tâm của các chính quyền phong kiến và hoạt động liên tục của các đội dân binh này trong suốt các thế kỉ XVII – XVIII đã khẳng định quá trình khai thác, thực thi chủ quyền từ rất sớm của người Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

-Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa là một tập tục cổ truyền có từ thời Hải đội Hoàng Sa (thế kỉ XVII) nhằm tri ân những người đi làm nhiệm vụ và cầu cho họ được bình an trở về... Ngày nay, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa vẫn được duy trì nhằm tri ân Hải đội Hoàng Sa năm xưa, đồng thời giáo dục thế hệ trẻ về trách nhiệm giữ gìn biển đảo quê hương.

Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1954

-Cuối thế kỉ XIX, chính quyền thực dân Pháp (khi đó là đại diện ngoại giao của Triều Nguyễn) tiếp tục khẳng định chủ quyền của Việt Nam, quản lí, bảo vệ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa theo đúng thông lệ pháp lí quốc tế.



Năm 1950, Pháp giao lại quyền quản lí quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa cho Chính quyền Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại làm Quốc trưởng.

Tại Hội nghị Xan Phran-xi-xcô có sự tham dự của đại diện 51 nước, ngày 7 – 9 – 1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng của Chính quyền Quốc gia Việt Nam tuyên bố quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam; không có bất kì nước nào phản ứng hay tranh cãi điều gì.

Từ năm 1945 đến năm 1975

-Từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa được đặt dưới sự quản lí hành chính của các chính quyền ở miền Nam Việt Nam..

- Từ giữa tháng 4 – 1975, Quân giải phóng miền Nam Việt Nam đã triển khai lực lượng thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa.
- Việt Nam Cộng hoà (Chính quyền Sài Gòn) đã cử quân đồn trú và triển khai những hoạt động quân sự quan trọng nhằm bảo vệ quần đảo Hoàng Sa.
- Ngày 19-1-1974, quân đội Việt Nam Cộng hoà (quân đội Sài Gòn) đã thất bại trong cuộc chiến đấu bảo vệ quần đảo Hoàng Sa trước sự tấn công của quân đội Trung Quốc.
- + Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố khẳng định quân đội Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam.

Từ năm 1975 đến nay

- Hải quân Việt Nam đã nhiều lần phải chiến đấu bảo vệ quần đảo Hoàng sa trước sự tấn công của quân đội nước ngoài (sự kiện Gạc Ma năm 1988)
- Nhà nước Việt Nam cũng kiên trì đấu tranh ngoại giao và pháp lí để khẳng định và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại lại quần đảo.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

Giai đoạn	Nội dung chính
Trước thế kỉ XIX	- Vào thế kỉ XVII, chúa Nguyễn cho lập Đội Hoàng Sa đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Đến đầu thế kỉ XVIII, bên cạnh Đội Hoàng Sa trấn giữ các quần đảo ở Biển Đông, chúa Nguyễn Phúc Chu còn lập ra Đội Bắc Hải (dưới sự kiểm quân của Đội Hoàng Sa) - Dưới triều Nguyễn, các đội Hoàng Sa, Bắc Hải đã được tái lập (1803) và đặt trong tổ chức chung của các đội Trường Đà.
Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1954	- Pháp đại diện quyền lợi của Việt Nam trong quan hệ đối ngoại, luôn khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Theo Hiệp định Ê-ly-dê ngày 8-3-1949, Pháp bắt đầu quá trình chuyển giao quyền kiểm soát hai quần đảo này cho Chính phủ Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại đứng đầu.

Từ năm 1954 đến năm 1975	- Theo thoả thuận của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, Việt Nam Cộng hoà (chính quyền Sài Gòn) đã tiếp quản và khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Năm 1956, lợi dụng bối cảnh chuyển giao giữa Pháp và Việt Nam Cộng hoà, Trung Quốc đưa quân chiếm đóng nhóm đảo phía đông quần đảo Hoàng Sa. - Tháng 4-1975, Hải quân Nhân dân Việt Nam đã thu hồi quần đảo Trường Sa, sau đó triển khai lực lượng quản lí và bảo vệ các đảo trên quần đảo Trường Sa có quân đội Việt Nam Cộng hoà đóng giữ.
Từ năm 1975 đến nay	Sau chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (từ năm 1976 là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) thực hiện quyền quản lí hành chính và đấu tranh về pháp lí, ngoại giao để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

a. Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

-Các tư liệu lịch sử của Việt Nam và thế giới đều cho thấy Việt Nam là nhà nước đầu tiên khai phá, xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS thảo luận nhóm

?Sử dụng tư liệu lịch sử để chứng minh rằng: Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập, quản lí liên tục và thực thi, bảo vệ chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Là một học sinh, em cần làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG (t3)**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển đông
- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình
- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Rèn luyện kĩ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử: trình bày, giải thích, phân tích,... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho hs nghe 1 bài hát và yêu cầu HS đoán tên bài hát

A. Gàn lăm Trường Sa

B. Nơi đảo xa

C. Sức sống Trường Sa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B. Nơi đảo xa

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

a. Mục tiêu:- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển đông

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

?Nhà nước Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử đã có ý thức và triển khai các hoạt động gì để đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin

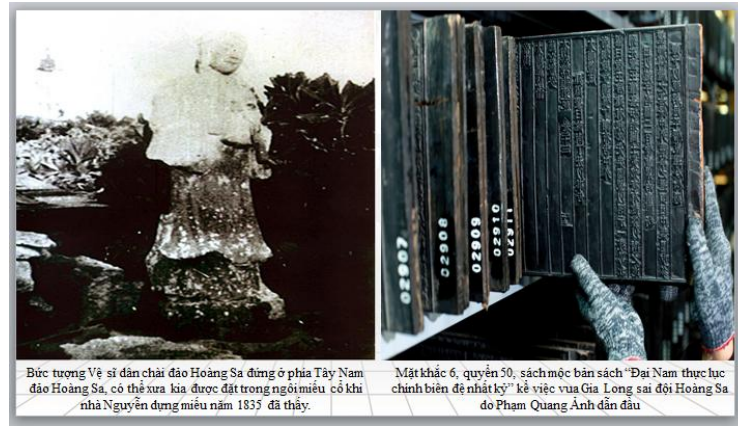
Trước năm 1884

- Từ thời chúa Nguyễn, Vương triều Tây Sơn, các đội Hoàng Sa, Bắc Hải có nhiệm vụ tuần tiễu giữ gìn vùng biển, ứng chiến với nạn cướp biển và những xâm phạm tại quần đảo Hoàng Sa,...

- Dưới Triều Nguyễn, các đội thủy quân chuyên trách công việc bảo vệ, thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được tổ chức.

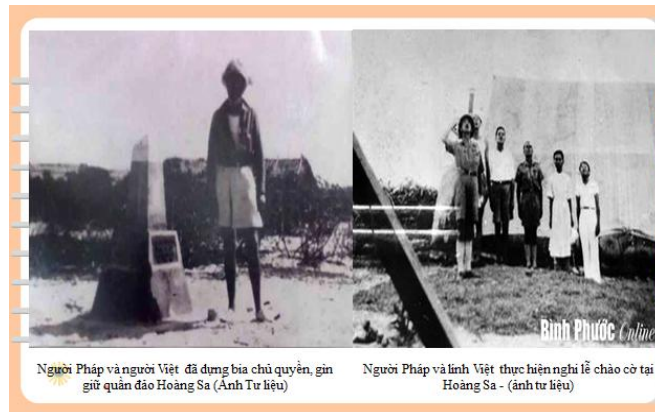
Chúa Nguyễn ở Đàng Trong là chính quyền đầu tiên đã xác định được chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

Đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải tiếp tục duy trì hoạt động ở thời Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII). Sự quan tâm của các chính quyền phong kiến và hoạt động liên tục của các đội dân binh này trong suốt các thế kỉ XVII – XVIII đã khẳng định quá trình khai thác, thực thi chủ quyền từ rất sớm của người Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.



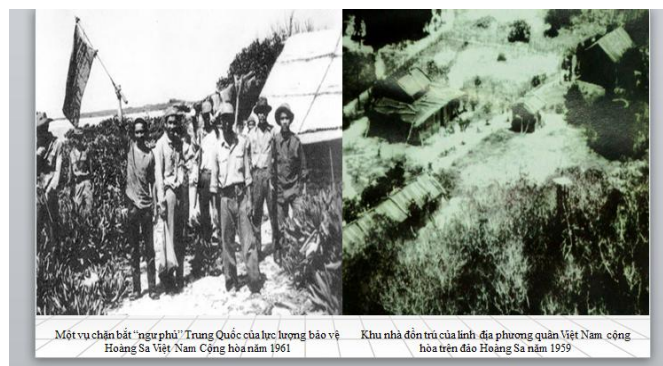
Từ năm 1884 đến năm 1954

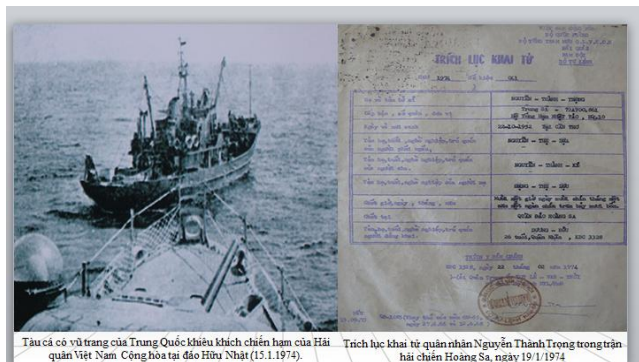
- Năm 1939, chính quyền thực dân Pháp gửi công hàm phản đối việc Nhật Bản tuyên bố kiểm soát một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa.
- Năm 1946, chính quyền thực dân Pháp cho hải quân trú đóng ở các đảo chính thuộc quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và yêu cầu quân đội Trung Hoa Dân quốc rút khỏi các đảo đã chiếm đóng trái phép.



Từ năm 1945 đến năm 1975

- Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra tuyên bố khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng và bất khả xâm phạm.
- Tháng 1 – 1974, quân đội Việt Nam Cộng hoà (quân đội Sài Gòn) thất bại trong cuộc chiến đấu ở quần đảo Hoàng Sa trước sự tấn công của quân đội Trung Quốc.





Từ năm 1975 đến nay

- Tháng 3 – 1988, nhiều chiến sĩ Hải quân Nhân dân Việt Nam đã hi sinh anh dũng khi chiến đấu bảo vệ chủ quyền tại các đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao trước cuộc tấn công của quân đội Trung Quốc.
- Từ tháng 3 – 1988 đến nay, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kiên trì đấu tranh ngoại giao và pháp lí để khẳng định, bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và môi trường hoà bình, hợp tác trên Biển Đông.



Lời căn dặn của vua Lê Thánh Tông

Vua Lê Thánh Tông căn dặn các quan trong triều:

”Một thước núi, một thước sông của ta lẽ nào lại vứt bỏ? Phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần, nếu họ không nghe còn có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, trình bày rõ điều ngay, lẽ gian. Nếu người nào dám đem một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di”.

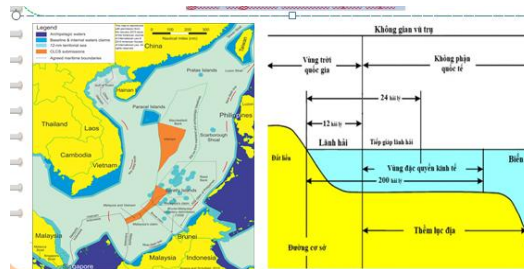
(Đại Việt sử kí toàn thư)

?Qua lời căn dặn của vua Lê Thánh Tông em có nhận xét gì về chủ trương của nhà Lê đối với lãnh thổ đất nước

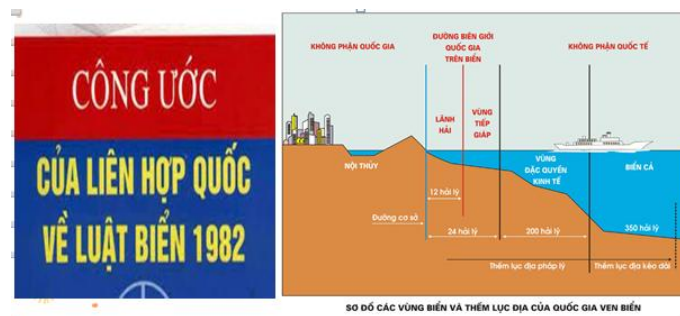
-Đến nay, Việt Nam đã kí Hiệp định về vùng nước lịch sử với Cam-pu-chia (1982); kí Hiệp định về phân định ranh giới trên biển trong vịnh Thái Lan ngày 9 – 8 – 1997 (có hiệu lực kể từ ngày 27 – 2 – 1998); kí Hiệp định về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong vịnh Bắc

Bộ với Trung Quốc (2000); kí Hiệp định về phân định ranh giới thềm lục địa với In-đô-nê-xi-a (2003); đàm phán với Trung Quốc về phân định khu vực ngoài của vịnh Bắc Bộ; đàm phán về hợp tác cùng phát triển trên biển, về hợp tác trong các lĩnh vực ít nhạy cảm trên biển Việt Nam – Trung Quốc,...

Xây dựng và đệ trình lên Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa của Liên hợp quốc (CLCS) các báo cáo xác định ranh giới ngoài thềm lục địa.



Kiên trì yêu cầu tôn trọng luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS), coi đây là cơ sở cho việc giải quyết bất đồng giữa các bên.



Kiên trì, kiên quyết nêu các quan điểm trên, đấu tranh bằng các biện pháp hoà bình phù hợp luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS.

Các lực lượng chức năng của Việt Nam thực thi và bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam phù hợp luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam.

Phối hợp hành động với các nước vì mục đích phát triển bền vững; duy trì các cơ chế về hợp tác cùng phát triển với các nước ven Biển Đông.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với

quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

b.Cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Nhà nước Việt Nam qua các thời kì lịch sử có những hoạt động đấu tranh kiên quyết nhằm bảo vệ, thực thi chủ quyền biển đảo, đặc biệt là đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “chiếc vòng đa sắc” mỗi câu trả lời đúng sẽ có điểm cộng

1.Lãnh thổ quốc gia là?

- A.Một phần của trái đất bao gồm vùng đất và vùng trời của quốc gia.
- B.Phạm vi không gian giới hạn bởi biên giới quốc gia
- C.Phạm vi không gian bao gồm vùng đất và vùng nước, vùng biển
- D.Phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia.

2.Việt Nam có đường bờ biển dài bao nhiêu km?

- A.2360 km
- B. 3620 km
- C. 3260 km
- D.3206 km

3.Ngày 14/3/1988, trận chiến nào đã nổ ra. 64 cán bộ, chiến sĩ Hải quân nhân dân Việt Nam đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ

- A.Điện Biên Phủ
- B.Gạc Ma
- C.Đồng Khởi
- D.Biên giới thu đông

4.Triều đại phong kiến nào được coi là đã xác lập chủ quyền với Hoàng Sa, Trường Sa

- A. Ngô

- B. Đình
- C. Nguyễn
- D. Lê Sơ

5. Tàu thuyền của các quốc gia khác có được đi lại trong vùng lãnh hải của VN không?

- A.Được phép đi lại tự do
- B.Được phép đi lại không gây hại
- C.Không được phép đi lại
- D.Được phép đi lại khi chính phủ Việt Nam cho phép

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	C	B

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Nêu những việc làm mà một công dân có thể đóng góp cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 46 ,47

Ngày soạn 20/3/2026

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG (t4,5)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển đông
- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình
- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

***Năng lực riêng:**

- Rèn luyện kĩ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử: trình bày, giải thích, phân tích,... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho Xem đoạn video cho biết:

? Trung Quốc đang xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam như thế nào? và chúng ta căn cứ vào đâu để có thể đấu tranh chống lại sự xâm phạm đó?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B. Nơi đảo xa

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

- a. Mục tiêu:-** Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình
- b. Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

1. Trình bày chủ trương của Việt Nam khi giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông.
2. Nêu một số ví dụ thực tiễn về việc thực hiện chủ trương này của Việt Nam mà em biết.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin

Chủ trương của ta

- Nhà nước Việt Nam thực hiện các biện pháp toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế và quân sự nhằm bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông
- Đối với các tranh chấp chủ quyền, Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông thông qua biện pháp hoà bình với tinh thần hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tuân thủ luật pháp quốc tế.

Các việc làm thực tiễn của nước ta

Ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền

- Các Sách trắng khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa theo luật pháp quốc tế (9 – 1979, 12 – 1981, 4 – 1988,...).
- Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam (5 - 1977).
- Luật Biên giới quốc gia (6 – 2003).
- Bộ luật Hàng hải Việt Nam (6 – 2005, 11 – 2015).

Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS),

Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc (United Nations Convention on the Law of the Sea, gọi tắt là UNCLOS 1982), kí ngày 10 – 12 – 1982 tại vịnh Mon-tê-gâu, Gia-mai-ca, có hiệu lực từ ngày 16 – 11 – 1994, là một văn kiện pháp lí đa phương đồ sộ, bao gồm 320 Điều khoản và 9 Phụ lục, với hơn 1.000 quy phạm pháp luật.

Việt Nam là một trong 107 quốc gia ký Công ước tại Montego Bay, Jamaica ngay sau khi văn kiện này được mở ký và là một trong những quốc gia phê chuẩn sớm, trước khi Công ước có hiệu lực. Điều này thể hiện thiện chí, sự coi trọng và kỳ vọng của Việt Nam vào một trật tự pháp lý mới về biển và đại dương.

Ngày 23 – 6 – 1994, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Nghị quyết về việc phê chuẩn UNCLOS.

Điều 87 thuộc Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc như sau:

Điều 87. Tự do trên biển cả

1. Biển cả được để ngỏ cho tất cả các quốc gia, dù có biển hay không có biển. Quyền tự do trên biển cả được thực hiện trong những điều kiện do các quy định của Công ước và những quy tắc khác của pháp luật quốc tế trù định. Đối với các quốc gia, dù có biển hay không có biển, quyền tự do này đặc biệt bao gồm:

- a) Tự do hàng hải;
- b) Tự do hàng không

2. Mỗi quốc gia khi thực hiện các quyền tự do này phải tính đến lợi ích của việc thực hiện quyền tự do trên biển cả của các quốc gia khác, cũng như đến các quyền được Công ước thừa nhận liên quan đến các hoạt động trong vùng,

Theo Công ước, các quốc gia ven biển (kể cả các quốc gia quần đảo) có 5 vùng biển như sau: vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa (kể cả thềm lục địa kéo dài). Tùy theo đặc điểm và cấu tạo địa lí mà quốc gia ven biển có đầy đủ 5 vùng biển. Việt Nam là quốc gia ven biển có đặc điểm địa lí phù hợp cho việc yêu sách cả 5 vùng biển nêu trên.

Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012.

-Luật Biển Việt Nam quy định Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hoà bình, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

Luật Biển Việt Nam được xây dựng bắt đầu từ năm 1998. Ngày 21 – 6 – 2012, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua Luật Biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 1 – 1 – 2013.

-Luật Biển Việt Nam gồm 7 chương, 55 điều.

Ban hành Luật Biển Việt Nam là hoạt động lập pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lí của Việt Nam về biển, đảo; lần đầu tiên Việt Nam có văn bản luật quy định đầy đủ chế độ pháp lí của các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam theo đúng UNCLOS; tạo cơ sở pháp lí quan trọng để Việt Nam thực hiện quản lí, bảo vệ và phát triển kinh tế biển, đảo của mình.

Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).

-Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); Việt Nam tích cực thúc đẩy và thực hiện đầy đủ tuyên bố; chủ động, tích cực phối hợp với các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc đàm phán, tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC). Ngày 4 – 11 – 2002 tại Phnôm Pênh (Cam-pu-chia), 10 nước ASEAN và Trung Quốc kí Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), nhằm thúc đẩy môi trường hoà bình, ổn định và hữu nghị giữa các quốc gia trong khu vực Biển Đông, tạo điều kiện cho việc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ trong khu vực này một cách hoà bình và lâu dài.

Việt Nam chủ trương phát triển kinh tế biển gắn liền với tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên biển.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

- Nhà nước Việt Nam thực hiện các biện pháp toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, ngoại

giao, kinh tế và quân sự nhằm bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

- Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thực hiện chủ trương nhất quán trong việc hợp tác giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng biện pháp hoà bình, phù hợp với luật pháp quốc tế.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú” mỗi câu trả lời đúng sẽ có điểm cộng

1. Việt Nam ban hành Luật hàng hải Việt Nam được ban hành đầu tiên vào thời gian nào?

- A. 1990
- B. 1992
- C. 1991
- D. 1993

2. Lễ kí kết Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) diễn ra ở nước nào?

- A. Cam-pu-chia
- B. Việt Nam
- C. Thái Lan
- D. Xin-ga-po

3. Công ước Luật Biển của Liên hợp quốc được kí kết vào năm nào?

- A. 1898
- B. 1899
- C. 1981
- D. 1982

4. Điều không phải một hoạt động của Việt Nam để bảo vệ chủ quyền biển đảo?

- A. Tham gia Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc
- B. Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012.
- C. Nghiên cứu, chế tạo vũ khí hạt nhân

D. Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông

5.UNCLOS phải bắt đầu có hiệu lực từ ngày 16/11/1994, sau khi đã được bao nhiêu quốc gia thành viên phê chuẩn.

A. 50

B. 60

C. 70

D. 80

6.Luật Biển Việt Nam quy định Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp nào?

A.Hoà bình

B. Chiến tranh

C. Hợp pháp và bất hợp pháp

D. Đáp án A và C

7.Lễ kí kết Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) có một quốc gia không nằm trong khối ASEAN là

A. Nhật Bản

B. Ấn Độ

C. Hàn Quốc

D. Trung Quốc

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	A	A	D	C	B	A	D

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Công cuộc thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông có ý nghĩa như thế nào đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam hiện nay?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn vào tiết thực hành

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 48,49,50

Ngày soạn 25/3/2026

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 6

I. Mục tiêu:

- Giúp học sinh khái quát, hệ thống kiến thức đã học trong chủ đề
- Rèn luyện kỹ năng sử dụng, khái thức công nghệ TT trong học tập
- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, dự án...

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Gv; giao nhiệm vụ cho mỗi tổ, nhóm về nhà hoàn thành và báo cáo sản phẩm

- Tổ 1: Tìm hiểu vị trí và vai trò của Biển Đông**
 - Tổ 2: Tầm quan trọng của Biển Đông**
 - Tổ 3: Trình bày chủ trương của Việt Nam khi giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông.**
 - Tổ 4: Nêu một số ví dụ thực tiễn về việc thực hiện chủ trương này của Việt Nam mà em biết**
- GV: Nhận xét và định hướng những nội dung trọng tâm

II. LUYỆN TẬP

Công cuộc thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông có ý nghĩa như thế nào đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam hiện nay?
(Học sinh hoàn thành trên giấy –nộp sau khi kết thúc bài thực hành)

TIẾT 51: ÔN TẬP CUỐI KÌ II(THEO MA TRÂN)

TIẾT 52: KIỂM TRA CUỐI KÌ II